

TƯ TƯỞNG CỦA PH.ĂNGGHEN VỀ MỐI QUAN HỆ CON NGƯỜI - TỰ NHIÊN

NGUYỄN HÙNG HẬU*

Tóm tắt: Bài viết phân tích tư tưởng của Ph.Ăngghen về mối quan hệ con người - tự nhiên. Trong mối quan hệ đó, con người nằm trong lòng tự nhiên, nhưng con người lại cải tạo và chinh phục tự nhiên. Xã hội càng phát triển thì sự cải tạo chinh phục tự nhiên bởi con người càng mạnh mẽ. Tuy nhiên, con người không được phá vỡ sự cân bằng động của hệ thống con người - tự nhiên. Nếu phá vỡ sự cân bằng động của hệ thống này thì con người phải gánh chịu những hậu quả tai hại khó lường.

Từ khóa: Tư tưởng của Ph.Ăngghen, mối quan hệ con người - tự nhiên, cân bằng động, khủng hoảng sinh thái.

Ph.Ăngghen (1820-1895) là nhà lý luận chính trị, một triết gia và nhà khoa học Đức thế kỷ XIX. Ngoài những công trình ông viết chung với C.Mác, ông đã viết nhiều tác phẩm khoa học có giá trị như: "Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước", "Biện chứng của tự nhiên"... Ông có những tư tưởng thiên tài về mối quan hệ con người - tự nhiên. Những tư tưởng này cho đến nay vẫn còn có ý nghĩa thời sự.

Trong *Biện chứng của tự nhiên*, Ph.Ăngghen đã đưa ra những ví dụ điển hình về những hậu quả nghiêm trọng của khủng hoảng sinh thái. Chẳng hạn như, khi người ta phá rừng để lấy đất trồng trọt ở Mêxôpôtami, Hy Lạp, Tiểu Á và một số nơi khác, họ không nghĩ

rằng làm như vậy đã phá hủy các trung tâm chứa nước, gây ra các hiện tượng lũ lụt với sức công phá không thể tưởng tượng nổi. Những người miền núi Italia khi phá hoại các đám rừng tùng đã không nghĩ rằng, việc làm đó sẽ phá hoại việc chăn nuôi trên núi cao, làm cho các suối nước trên núi bị khô cạn, làm cho nước lũ của các khe suối đó lại tuôn xuống càng dữ dội hơn nữa.

Theo Ph.Ăngghen, rất có thể nhiều nền văn minh, trong đó có nền văn minh Maya, bị diệt vong là do nguyên nhân mất cân bằng sinh thái, mất cân bằng giữa con người và tự nhiên. Tư tưởng

(*) Giáo sư, tiến sĩ, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh.

của Ph.Ăngghen về mối quan hệ con người - tự nhiên ngày càng được thực tiễn chứng minh; nhất là ngày nay, nạn ô nhiễm môi trường, sự cạn kiệt các nguồn tài nguyên thiên nhiên, sự khủng hoảng sinh thái trên phạm vi toàn cầu đang đe dọa loài người trên trái đất.

Xã hội là một bộ phận đặc biệt của giới tự nhiên, là hình thức tổ chức cao nhất trong giới tự nhiên. Con người là kết quả của sự tiến hóa lâu dài của thế giới vật chất, “một cơ thể phức tạp nhất mà giới tự nhiên sản sinh ra được”. Như vậy, con người là một bộ phận đặc biệt, hạt nhân của xã hội; đến lượt mình, xã hội lại là một bộ phận đặc biệt của giới tự nhiên; dĩ nhiên, con người cũng là một bộ phận của giới tự nhiên, không thể đối lập con người với giới tự nhiên. Trong tác phẩm *Biện chứng của tự nhiên*, Ph.Ăngghen cho rằng con người với cả xương thịt, máu mủ và đầu óc của nó đều thuộc về giới tự nhiên, con người nằm trong lòng giới tự nhiên. Con người nằm trong lòng giới tự nhiên cũng có nghĩa là con người nằm trong lòng mẹ, nhưng con người không phải nằm im bất động, mà con người phải cải tạo, chinh phục giới tự nhiên, tức phải cải tạo, chinh phục mẹ.

Về mối quan hệ con người và tự nhiên trong lịch sử đã có hai hướng giải quyết. *Thứ nhất* là hướng của phương Đông. Hướng này chủ trương sống hài

hòa, hòa đồng với thiên nhiên, “thuận thiên”, không chống đối lại thiên nhiên, sống hòa thuận với thiên nhiên, nương theo tự nhiên để hưởng trọn cái gọi là tuổi “Trời cho”. Đại diện cho xu hướng này là Lão tử, Trang tử. Theo các ông hòa đồng với vạn vật thì vạn vật không làm hại được mình, nhu thắng cương, nhược thắng cường, nhu nhược thắng cương cường. Lão Tử đưa ra ví dụ, cái gì sống cũng mềm, nhu; cái gì chết cũng cứng, cương; như vậy, mềm, nhu gắn với sống; cứng, cương gắn với chết. Nhu nhược ở đây không phải là thiếu ý chí, ai bảo sao nghe vậy, mà có nghĩa là đừng cưỡng lại qui luật của tự nhiên, của tạo hóa, là thuận thiên. Nước bất tranh với mọi cái, luôn tìm chỗ thấp để ở, nên mọi cái không tranh giành với nó. Bất tranh thì không ai tranh với mình. Từ đó Lão Tử đưa ra tư tưởng vô vi. Vô vi ở đây không có nghĩa là không làm gì cả, mà là làm một cách tự nhiên, làm như không làm (vô vi nhi vô bất vi). Khuynh hướng này tuy có yếu tố hợp lý, nhưng lại không thể đưa loài người tiến lên phía trước.

Thứ hai là hướng của phương Tây. Hướng này chủ trương “chế thiên”, cải tạo tự nhiên, chinh phục giới tự nhiên. Khi mới thoát thai từ động vật, con người hầu như phụ thuộc hoàn toàn vào tự nhiên, chịu sự tác động mù quáng của những lực lượng tự nhiên. Dần dần con

người học được cách cải biến, điều khiển những quá trình tự nhiên trong phạm vi ngày càng mở rộng, để phục vụ cuộc sống ngày càng cao của họ. Như vậy, không chỉ tự nhiên tác động lên con người, mà ngược lại, bằng lao động của mình, con người chủ động tích cực cải tạo giới tự nhiên, bắt giới tự nhiên phục vụ cho những mục đích của mình, tức con người thống trị giới tự nhiên.

Khác với L.Phoiobắc coi con người chỉ thuần túy là sản phẩm của hoàn cảnh, của giới tự nhiên, Ph.Ăngghen cho rằng, con người không chỉ là sản phẩm của hoàn cảnh mà còn cải tạo hoàn cảnh; con người không thỏa mãn với thể giới, mà cải tạo thể giới; con người càng cải tạo thể giới nhiều bao nhiêu thì càng tiến bộ bấy nhiêu. Như vậy, mức độ của sự tiến bộ phụ thuộc vào mức độ của sự chinh phục giới tự nhiên của con người. Nhưng hướng này có thể dẫn đến tình trạng là môi trường tự nhiên bị phá hủy, khí hậu diễn biến xấu, tài nguyên cạn kiệt. Trong *Biện chứng của tự nhiên*, Ph.Ăngghen cho rằng, con người càng cách xa con vật bao nhiêu thì con người lại càng tự mình làm ra lịch sử của mình một cách có ý thức bấy nhiêu; ảnh hưởng của những hậu quả không dự kiến trước, của những lực lượng không kiểm soát được lại càng ít đi bấy nhiêu, do đó kết quả lịch sử lại càng phù hợp một cách chính xác hơn bấy nhiêu với

mục đích đã được xác định trước. Tuy nhiên, nếu dùng tiêu chuẩn đó để xét lịch sử của loài người, ngay cả lịch sử của những dân tộc phát triển nhất của thời đại hiện nay, thì vẫn có một sự chênh lệch rất lớn giữa những mục đích đã định trước và những kết quả đã đạt được. Những hậu quả không dự kiến trước vẫn còn chiếm ưu thế, những lực lượng chưa kiểm soát được vẫn còn mạnh hơn nhiều so với những lực lượng đã kiểm soát được. Chừng nào hoạt động lịch sử chủ yếu nhất của con người vẫn còn chịu sự tác động mù quáng của những lực lượng chưa kiểm soát được thì cái được thực hiện thường lại trái ngược hẳn với mục đích ban đầu.

Ph.Ăngghen cho rằng: "Trong giới tự nhiên, không có cái gì xảy ra một cách đơn độc cả; hiện tượng này tác động đến hiện tượng khác và ngược lại"⁽¹⁾; bởi vậy "chúng ta không nên quá tự hào về những thắng lợi của chúng ta đối với giới tự nhiên. Bởi vì cứ mỗi lần chúng ta đạt được một thắng lợi, là mỗi lần giới tự nhiên trả thù lại chúng ta"⁽²⁾. Điều này hoàn toàn chính xác, bởi lẽ mối quan hệ con người - tự nhiên là một hệ thống cân bằng động, con người tác động lên tự nhiên, ngược lại, tự nhiên cũng tác động lên con người. Nhưng ở chiều thứ hai,

⁽¹⁾ C.Mác và Ph.Ăngghen (1994), *Toàn tập*, tập 20, Nxb Chính trị quốc gia, Sự thật, Hà Nội, tr. 652.

do chỉ nhìn thấy lợi ích trước mắt, nên con người thường "không lường trước được" và đôi khi lại phá hủy tất cả những kết quả ban đầu mà con người đã đạt được. Trong lịch sử cũng vậy, mặt này phát triển, thì mặt khác co lại, teo đi. Sự phát triển của tư duy con người cũng không nằm ngoài qui luật đó. Theo Ph.Ăngghen, tư duy của người cổ đại là biện chứng tự phát, mộc mạc, đơn giản. Họ xem xét sự vật hiện tượng trong sự vận động, phát triển, biến đổi không ngừng, trong sự liên hệ, ràng buộc, tác động qua lại lẫn nhau; theo họ không có cái gì đứng yên, tồn tại độc lập tuyệt đối. Như vậy, họ đã nhìn ra cái tổng thể, nhìn ra khu rừng, nhưng còn mờ. Đến thế kỷ XVII-XVIII, cơ học phát triển mạnh; tư duy phân tích mổ xẻ chiếm thế chủ đạo; người ta nhìn tường tận từng cây một rất rõ, nhưng lại quên khu rừng; thế là họ rơi vào siêu hình, máy móc. Ông viết rằng, nếu về chi tiết, người siêu hình là đúng hơn so với những người Hy Lạp, thì về toàn thể những người Hy Lạp lại đúng hơn so với người siêu hình. Như vậy, tiến ở phía này nhưng lại lùi ở phía khác, theo lý thuyết âm dương thì lời ở chỗ này, lại lỗm ở chỗ khác. Đối với con người, mạnh ở mặt này thì yếu ở mặt khác, "nhân vô thập toàn". Biện chứng của giới tự nhiên và của cuộc sống là như vậy.

Trong quan hệ con người - tự nhiên

cũng vậy. Người ta càng chinh phục, cải tạo được tự nhiên nhiều bao nhiêu thì người ta lại bị giới tự nhiên trả thù nhiều bấy nhiêu (sự trả thù này có thể không ngay lập tức, mà theo kiểu "đời cha ăn mặn, đời con khát nước"). Ph.Ăngghen viết: "Và những việc đó đã nhắc nhở chúng ta từng giờ từng phút rằng chúng ta hoàn toàn không thống trị được giới tự nhiên như một kẻ xâm lược thống trị một dân tộc khác, như một người sống bên ngoài giới tự nhiên"⁽³⁾. Quyền hành và sự thống trị của con người đối với tự nhiên không phải là vô hạn, tuyệt đối để đến nỗi làm phá vỡ hệ thống cân bằng động con người - tự nhiên, bởi vì con người tuy chinh phục giới tự nhiên nhưng vẫn nằm trong lòng tự nhiên, chứ không phải như một kẻ sống bên ngoài giới tự nhiên, không phải như một kẻ xâm lược thống trị một dân tộc khác, bắt dân tộc đó làm nô lệ cho mình. Con người cải tạo, chinh phục mẹ "tự nhiên", nhưng vẫn nằm trong lòng mẹ; bởi vậy, con người đừng có cư xử tồi tệ, quá đáng với người "mẹ" của mình.

Khi xã hội càng văn minh, con người càng phát triển thì sự tác động (cải tạo, biến đổi) của con người đối với tự nhiên càng mạnh mẽ. Tuy nhiên, những tác động (cải tạo, biến đổi) ấy dù có to lớn mạnh mẽ như thế nào đi chăng nữa thì

⁽³⁾ *Sđd*, tr. 655.

cũng không được phép vượt quá giới hạn, tức là không được phá vỡ sự cân bằng động của hệ thống con người - tự nhiên; bởi vì con người không thể tồn tại bên ngoài giới tự nhiên. Để tồn tại, con người phải dựa vào tự nhiên, dựa vào thế giới vật chất, môi trường xung quanh. Ph.Ăngghen cho rằng, giới tự nhiên là cái cung cấp những vật liệu để lao động biến thành của cải. Những ví dụ hàng ngày cũng chứng minh cho điều đó. Nhiều chim sẻ quá thì chim sẻ sẽ ăn hết nhiều thóc lúa ở ngoài đồng. Nhưng nếu diệt hết chim sẻ, thì sâu bệnh lại phát triển khá nhanh; thiệt hại mùa màng do sâu bệnh còn gấp nhiều lần so với thiệt hại do chim sẻ. Trong tự nhiên, loài này sinh ra có lợi cho loài khác, loài khác sinh ra lại có lợi cho loài khác nữa, cứ như thế cho đến loài cuối cùng; rất có thể loài cuối cùng sinh ra có lợi cho loài ban đầu. Vòng tròn khép kín đó là biểu hiện của sự cân bằng động của giới tự nhiên. Không chỉ đơn giản có một vòng tròn. Loài này có thể vừa là nhân tố của vòng tròn này, nhưng lại vừa tham gia trong một chu trình khác, vòng tròn khác. Trong giới tự nhiên có vô số những vòng tròn tương đối khép kín, luôn vận động trong thế cân bằng, khiến cho thế giới luôn biến đổi, thế giới luôn diễn ra một cách biện chứng.

Do vậy, việc chinh phục, cải tạo, biến đổi giới tự nhiên phải ở trong khuôn khổ

cân bằng động của hệ thống con người - tự nhiên. Nếu vì tham lam trước mắt mà phá vỡ sự cân bằng động của hệ thống này thì con người phải trả giá, phải gánh chịu những hậu quả tai hại khó lường. Có những hậu quả trước mắt mà chúng ta có thể thấy ngay, nhưng cũng có những hậu quả lâu dài mà trải qua hàng nghìn năm mới đánh giá hết được mức độ nguy hại của nó. Trong *Biện chứng của tự nhiên*, Ph.Ăngghen cho rằng nếu chúng ta đã phải trải qua hàng nghìn năm lao động mới có thể, trong một chừng mực nào đó, đánh giá trước được những hậu quả tự nhiên xa xôi của những hành động sản xuất của chúng ta, thì chúng ta lại càng phải trải qua nhiều khó khăn hơn nữa, mới có thể hiểu biết được những hậu quả xã hội của những hành động ấy.

Con người là một tiểu vũ trụ, là một yếu tố đặc biệt của tự nhiên. Tự nhiên cần sự cân bằng. Quan hệ con người - tự nhiên cũng cần sự cân bằng. Bản thân con người cũng cần sự cân bằng. Y học cổ truyền cho rằng bệnh tật xuất hiện là do mất cân bằng mà cụ thể là cân bằng âm dương.

Ph.Ăngghen cho rằng, xã hội tư bản do coi lợi nhuận tối đa là mục tiêu cao nhất, nên không đếm xỉa gì đến sự cân bằng sinh thái, đến môi trường tự nhiên, vắt kiệt sữa của người mẹ tự nhiên. Để duy trì, giữ vững được hệ thống cân

bằng động này, khắc phục sự mất cân bằng sinh thái, khôi phục hệ thống cân bằng động giữa con người - tự nhiên, xây dựng một xã hội, phù hợp với tính người hơn, tạo nên một sự phát triển mà ngày nay gọi là bền vững, thì tất yếu phải thay thế xã hội tư bản bằng một xã hội phát triển cao hơn.

Ở Việt Nam hiện nay, Đảng ta chủ trương phát triển nhanh và bền vững, tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng đã chỉ ra một trong những vấn đề toàn cầu bức xúc đòi hỏi các quốc gia và các tổ chức quốc tế cần phải phối hợp giải quyết. Đó là môi trường tự nhiên bị phá hủy; khí hậu diễn biến ngày càng xấu, kèm theo những thiên tai khủng khiếp; tình trạng khan hiếm nguồn năng lượng, cạn kiệt tài nguyên. Đại hội XI cũng đề cập đến một trong những vấn đề toàn cầu cấp bách có liên quan đến vận mệnh của loài người, đó là bảo vệ môi trường và ứng phó với những biến đổi khí hậu, nước biển dâng cao. Một trong những nội dung quan trọng của Hội nghị Trung ương 7 khóa XI có liên quan đến vấn đề này. Những hiện tượng mà Đảng ta cảnh báo trên đều bắt nguồn từ nguyên nhân mất cân bằng sinh thái. Về nguyên nhân của hiện tượng này và giải pháp khắc phục, chúng ta có thể tìm thấy từ những tư tưởng của Ph.Ăngghen. Tiếp thu, vận

dụng một cách sáng tạo tư tưởng của Ph.Ăngghen về mối quan hệ con người - tự nhiên trong điều kiện cụ thể của Việt Nam hiện nay, để bảo vệ môi trường, khắc phục khủng hoảng sinh thái, Đại hội XI của Đảng Cộng sản Việt Nam đưa ra các giải pháp sau: nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm của toàn xã hội, trước hết là của cán bộ lãnh đạo các cấp về bảo vệ môi trường; khắt khe hoàn thiện hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường; xây dựng chế tài đủ mạnh để ngăn ngừa, xử lý nghiêm các hành vi gây ô nhiễm môi trường; ngăn chặn có hiệu quả nạn phá rừng, cháy rừng và tình trạng khai thác tài nguyên bừa bãi; xử lý nghiêm các cơ sở gây ô nhiễm, khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường; đưa nội dung bảo vệ môi trường vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, vùng và các chương trình, dự án đầu tư thực hiện nghiêm các quy định về bảo vệ môi trường khi triển khai các dự án, công trình đầu tư xây dựng mới; quản lý, khai thác hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên; chú trọng phát triển kinh tế xanh, thân thiện với môi trường; từng bước phát triển năng lượng sạch, sản xuất sạch, tiêu dùng sạch.

Những giải pháp trên là tương đối đồng bộ, toàn diện, khả thi. Làm tốt các giải pháp đó là điều kiện cần để thực hiện được mục tiêu phát triển nhanh và bền vững.

